

Số: 4194 /QĐ-CHKQTTSN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt kế hoạch lựa chọn đối tác hợp tác khai thác hạng mục
“Cung cấp màn hình LED 3D và phòng thực tế ảo tại nhà ga hành khách
T3 – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất”

GIÁM ĐỐC CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT

Căn cứ Quyết định số 448/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc ban hành Quy chế quản lý và tổ chức hoạt động kinh doanh, khai thác dịch vụ phi hàng không của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 551/QĐ-HĐQT ngày 08/11/2024 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc phê duyệt quy hoạch mặt bằng quảng cáo tại Nhà ga hành khách T3 – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 324/QĐ-HĐQT ngày 30/06/2025 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc phê duyệt quy hoạch mặt bằng quảng cáo điều chỉnh, bổ sung tại Nhà ga hành khách T3 – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn Công văn số 3285/TCTCHKVN-KDPTTT ngày 18/07/2025 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam về việc thông qua phê duyệt phương án hợp tác khai thác màn hình LED 3D và phòng thực tế ảo tại Nhà ga hành khách T3 theo Nghị quyết số 360/NQ-HĐQT ngày 15/07/2025 của Hội đồng quản trị;

Căn cứ Quyết định số 4018/QĐ-CHKQTTSN ngày 24/07/2025 của Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất về việc kiện toàn nhân sự Tổ chuyên gia lựa chọn đơn vị hợp tác khai thác, thuê mặt bằng - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 5626/QĐ-CHKQTTSN ngày 18/12/2024 của Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất về việc kiện toàn nhân sự Tổ thẩm định lựa chọn đơn vị hợp tác kinh doanh, hợp tác khai thác, thuê mặt bằng, thuê mặt bằng/vị trí quảng cáo - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Tờ trình số 1-1/TTr-TCG ngày 01/08/2025 về việc Trình duyệt kế hoạch lựa chọn đối tác hạng mục “Cung cấp màn hình LED 3D và phòng thực tế ảo tại nhà ga hành khách T3 – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất”,

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 2-1/BC-TTĐ ngày 01/08/2025 của Tổ thẩm định về việc Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn đối tác hạng mục “Cung cấp



màn hình LED 3D và phòng thực tế ảo tại nhà ga hành khách T3 – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kế hoạch lựa chọn đối tác hợp tác khai thác hạng mục “Cung cấp màn hình LED 3D và phòng thực tế ảo tại nhà ga hành khách T3 – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất” với nội dung sau:

- Tên hạng mục:** Cung cấp màn hình LED 3D và phòng thực tế ảo tại nhà ga hành khách T3 – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.
- Bên mời hợp tác:** Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.
- Thông tin về quy mô, vị trí mặt bằng** (chi tiết bản vẽ vị trí đính kèm)

3.1 Khu vực sảnh làm thủ tục cho hành khách

Stt	Mã vị trí	SL (cái)	Màn hình quảng cáo trên tháp LED		
			Mặt	Kích thước	Diện tích (m ²)
1	DDC09-1	1	4	9 x 12 x 1 mặt 4 x 12 x 1 mặt 4 x 12 x 1 mặt 8 x 1,5 x 1 mặt	216
2	DDC09-2	1	4	9 x 12 x 1 mặt 4 x 12 x 1 mặt 4 x 12 x 1 mặt 8 x 1,5 x 1 mặt	216
	Tổng cộng	2	8		432

➤ Thông số kỹ thuật, hình ảnh của tháp LED 3D theo **Phụ lục chi tiết** đính kèm.

3.2 Khu vực cách ly ga đi tầng 3

Mã vị trí	SL (cái)	Màn hình LED phòng thực tế ảo		
		Mặt	Kích thước	Diện tích (m ²)
DDVR	1	6	6 x 7 x 1 mặt 4 x 1,5 x 1 mặt 5 x 5,5 x 1 mặt 5 x 5,5 x 1 mặt 3 x 3 x 1 mặt 3 x 5,5 x 1 mặt	128,5

➤ Thông số kỹ thuật, hình ảnh của phòng thực tế ảo theo **Phụ lục chi tiết** đính kèm.

4. Phương án hợp tác khai thác

a. Đối tác

- Đối tác đầu tư và cung cấp cho Cảng 02 (hai) tháp LED 3D và 01 (một) phòng thực tế ảo tại nhà ga hành khách T3 – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.
- Đối tác được khai thác 50% thời lượng quảng cáo trên 02 (hai) tháp LED 3D (không khai thác quảng cáo tại phòng thực tế ảo).

b. Cảng

- Được khai thác 50% thời lượng khai thác trên tháp LED 3D (theo nội dung nêu tại Mục 6 dưới đây).

5. Thời gian thực hiện hợp đồng

07 (bảy) năm kể từ ngày hai bên ký Biên bản nghiệm thu đưa vào khai thác.

a. Trách nhiệm và quyền hạn

- Bằng chi phí của mình, đối tác đầu tư cơ sở vật chất và vận hành tháp LED 3D và phòng thực tế ảo, bao gồm các công việc: thiết kế, xây dựng, thi công, lắp đặt trang thiết bị; vận hành, khai thác; cải tạo, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng để cung cấp dịch vụ theo tiêu chuẩn qui định. Chủ động tìm kiếm nguồn khách hàng thuê quảng cáo đồng thời quảng bá cho hình ảnh của ACV, giới thiệu về Cảng HKQT Tân Sơn Nhất;
- Đối tác được quyền kinh doanh quảng cáo trên 02 (hai) tháp LED 3D do đối tác cung cấp trong toàn bộ thời gian thực hiện hợp đồng, đồng thời thực hiện phân chia lợi ích hợp tác theo quy định tại điểm b khoản 5 của Điều này.
- Toàn bộ thiết bị do đối tác đầu tư được chuyển quyền sở hữu tài sản vô điều kiện cho Cảng quản lý khai thác sau khi hết hạn hợp đồng.

b. Lợi ích hợp tác

Phương án phân chia: phân chia theo doanh thu

$$A = D \times t$$

Trong đó:

A : Mức lợi ích Cảng được hưởng hàng tháng (chưa bao gồm thuế GTGT).

D : Doanh thu thực tế phát sinh từ hoạt động hợp tác khai thác (chưa bao gồm thuế GTGT).

t : Tỷ lệ phân chia (tỷ lệ %).

- Từ năm thứ 1 đến tháng thứ 6 năm thứ 6: Mức lợi ích Cảng được hưởng hàng tháng (A) = 0 (không)

- Từ tháng thứ 7 năm thứ 6:

Tỉ lệ phân chia (%)	Lợi ích hợp tác tối thiểu (A_{min}) (VND/tháng) (chưa bao gồm thuế GTGT)	Lợi ích hợp tác tối thiểu (A_{min}) (VND/tháng) (bao gồm thuế GTGT)
12%	243.302.400	267.632.640

- Chi tiết mức lợi ích hợp tác tối thiểu Cảng được phân chia hàng tháng theo **Bảng** kê đính kèm;
- Lợi ích từ việc hợp tác khai thác Cảng được phân chia hàng tháng chưa bao gồm chi phí internet và các chi phí khác (nếu có);
- Lợi ích hợp tác Cảng được phân chia hàng tháng không thấp hơn mức lợi ích hợp tác tối thiểu quy định. Nếu lợi ích hợp tác thực tế (A) không đạt mức tối thiểu (A_{min}) thì đối tác sẽ phải trả thêm phần chênh lệch (A_{min}) - (A) để đảm bảo lợi ích hợp tác tối thiểu Cảng được hưởng (A_{min}).

c. Các chi phí phát sinh

Đối tác phải thanh toán cho Cảng các chi phí phát sinh, cụ thể:

- Chi phí internet và các chi phí khác (nếu có): thanh toán 100%.
- Chi phí sử dụng điện của 02 (hai) tháp LED 3D trong suốt quá trình hợp tác khai thác: thanh toán 50%.

6. Phương án vận hành khai thác

6.1 Tháp LED 3D

- Thời gian vận hành: tối thiểu 22 giờ/ngày – Từ 03:00 sáng đến 01:00 sáng ngày tiếp theo.
- Đối tác được khai thác 50% thời lượng quảng cáo;
- Cảng được khai thác 50% thời lượng khai thác sử dụng cho các mục đích sau:
 - Tuyên truyền các sự kiện trọng đại của Nhà nước, Thành phố, Bộ công an;
 - Các chương trình truyền thông của ACV và Cảng;
 - Chào mừng lễ Tết và các ngày kỷ niệm;
 - Chỉ dẫn hành khách;
 - Clip trang trí 3D phong cảnh, danh lam thắng cảnh.
- Cấu hình vận hành:
 - Tổng số slot mỗi vòng lặp: 9 slot
 - Thời lượng mỗi slot: 30 giây
 - Tổng thời gian 1 vòng lặp: 270 giây (4,5 phút)
 - Thời lượng vận hành mỗi ngày: 22 giờ ~ 293 vòng lặp
- Nguyên tắc cài đặt nội dung:

- Nội dung quảng cáo và tuyên truyền xen kẽ linh hoạt
 - Không yêu cầu đúng thứ tự, miễn đảm bảo tổng 270s/vòng
 - Ưu tiên thời gian phát sóng cho nội dung khẩn cấp theo chỉ đạo từ ACV
- Đơn vị hợp tác khai thác hỗ trợ miễn phí cung cấp nội dung 3D, clip, hình ảnh theo yêu cầu của ACV và Cảng.

6.2 Phòng thực tế ảo

- Thời gian vận hành: 22 giờ/ngày – Từ 03:00 sáng đến 01:00 sáng ngày tiếp theo.
- Đơn vị hợp tác khai thác hỗ trợ miễn phí cung cấp nội dung 3D, clip, hình ảnh theo yêu cầu của ACV và Cảng làm điểm check-in cho hành khách.

7. **Hình thức lựa chọn đối tác:** lựa chọn trực tiếp.

8. **Đơn vị đề xuất hợp tác khai thác:**

❖ Công ty TNHH Mặt Trời Vàng

Địa chỉ: Tầng 19, tòa nhà Keangnam, Phạm Hùng, Phường Yên Hoà, TP. Hà Nội

9. **Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn đối tác:** tháng 08/2025.

10. **Loại hợp đồng:** Hợp đồng hợp tác khai thác.

Điều 2: Tổ chức thực hiện

Đơn vị thực hiện: Phòng Kinh doanh phối hợp phòng Tài chính - Kế toán, Trung tâm Khai thác ga Tân Sơn Nhất, phòng An toàn - Kiểm soát chất lượng thực hiện.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định, các Ông/Bà thủ trưởng phòng Kinh doanh, phòng Tài chính - Kế toán, Trung tâm Khai thác ga Tân Sơn Nhất, Phòng An toàn - Kiểm soát chất lượng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ nội dung trên triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng trình tự, thủ tục và quy định hiện hành của Nhà nước, Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam - CTCP./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, KD

GIÁM ĐỐC



Đặng Ngọc Cương

8525-
CẢNG
HÀNG QUỐC
TẾ TÂN SƠN
NHẤT
CHI NHÁNH
TỔNG CÔNG
TY CẢNG HÀNG
KHÔNG VIỆT
NAM - CTCP
HỒ CHÍ MINH

BẢNG KÊ CHI TIẾT

DOANH THU, MỨC LỢI ÍCH TỐI THIỂU, TỈ LỆ HỢP TÁC TỪ THÁNG THỨ 7 NĂM THỨ 6

TT	Mã vị trí	Diễn giải vị trí	Hình thức QC	Kích thước (Cao x Rộng) (m)	Diện tích (m2)	Đơn vị tính	Tỉ lệ phân chia (%)	Lợi ích tối thiểu Càng được hưởng (VND/tháng) (chưa bao gồm thuế GTGT)	Lợi ích tối thiểu Càng được hưởng (VND/tháng) (bao gồm thuế GTGT)
1	DDC09-1	Sảnh làm thủ tục cho hành khách	Màn hình quảng cáo trên tháp LED	9 x 12 x 1 mặt 4 x 12 x 1 mặt 4 x 12 x 1 mặt 8 x 1,5 x 1 mặt	216.00	tháp	12%	121,651,200	133,816,320
2	DDC09-2	Sảnh làm thủ tục cho hành khách	Màn hình quảng cáo trên tháp LED	9 x 12 x 1 mặt 4 x 12 x 1 mặt 4 x 12 x 1 mặt 8 x 1,5 x 1 mặt	216.00	tháp	12%	121,651,200	133,816,320
	Tổng				432.00			243,302,400	267,632,640

BẢNG KÊ CHI TIẾT
DOANH THU, MỨC LỢI ÍCH TỐI THIỂU, TỈ LỆ HỢP TÁC TỪ THÁNG THỨ 7 NĂM THỨ 6

TT	Mã vị trí	Diễn giải vị trí	Hình thức QC	Kích thước (Cao x Rộng) (m)	Diện tích (m2)	Đơn vị tính	Tỉ lệ phân chia (%)	Lợi ích tối thiểu Cảng được hưởng (VND/tháng) (chưa bao gồm thuế GTGT)	Lợi ích tối thiểu Cảng được hưởng (VND/tháng) (bao gồm thuế GTGT)
1	DDC09-1	Sảnh làm thủ tục cho hành khách	Màn hình quảng cáo trên tháp LED	9 x 12 x 1 mặt 4 x 12 x 1 mặt 4 x 12 x 1 mặt 8 x 1,5 x 1 mặt	216.00	tháp	12%	121,651,200	133,816,320
2	DDC09-2	Sảnh làm thủ tục cho hành khách	Màn hình quảng cáo trên tháp LED	9 x 12 x 1 mặt 4 x 12 x 1 mặt 4 x 12 x 1 mặt 8 x 1,5 x 1 mặt	216.00	tháp	12%	121,651,200	133,816,320
	Tổng				432.00			243,302,400	267,632,640

PHỤ LỤC

A. BẢNG KÊ CHI TIẾT HÌNH ẢNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT THÁP LED

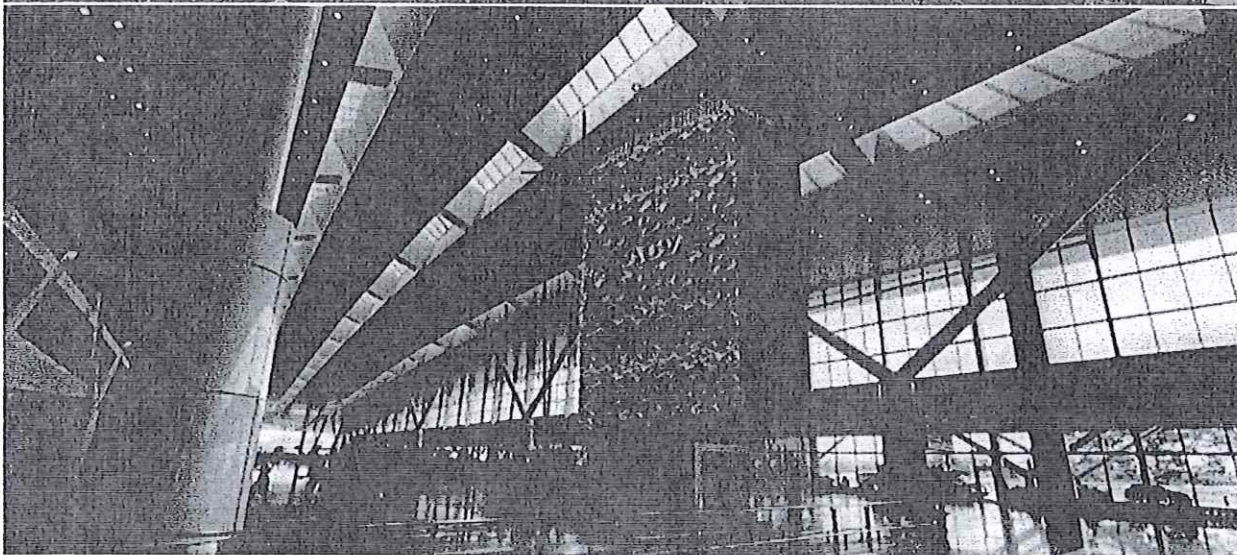
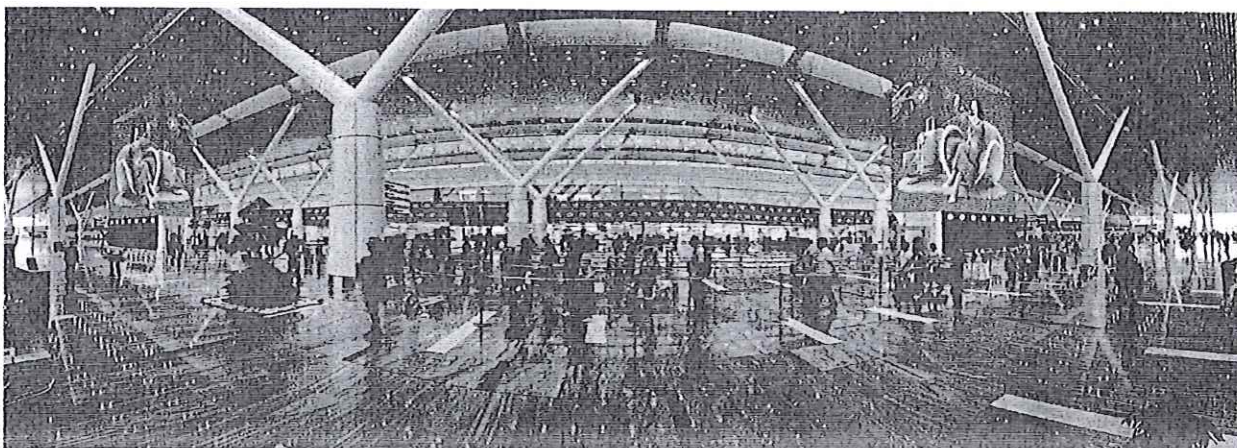
Khu vực sảnh làm thủ tục cho hành khách

1. Thông số kỹ thuật

- Loại màn hình: LED Indoor P2.5/P3.9 SMD Full Color, có thể tích hợp FIDS
- Số lượng màn hình: 02
- Độ sáng: 800 - 1500 nits
- Tần số quét: 3840 – 7680 Hz
- Kết cấu khung: Khung thép chịu lực sơn tĩnh điện, thiết kế lõi kỹ thuật để bảo trì
- Công suất điện: 300W/m²/tiếng
- Độ dày màn hình: 80–120mm
- Độ dày khung: 3,5-4m
- Vật liệu: Thép CT3, nhôm định hình, kính/mica, module LED chuẩn IP65
- Mặt sau: Trang trí cây xanh
- Kích thước: Xem bảng chi tiết phía dưới
- Bảng kích thước và diện tích tháp LED:

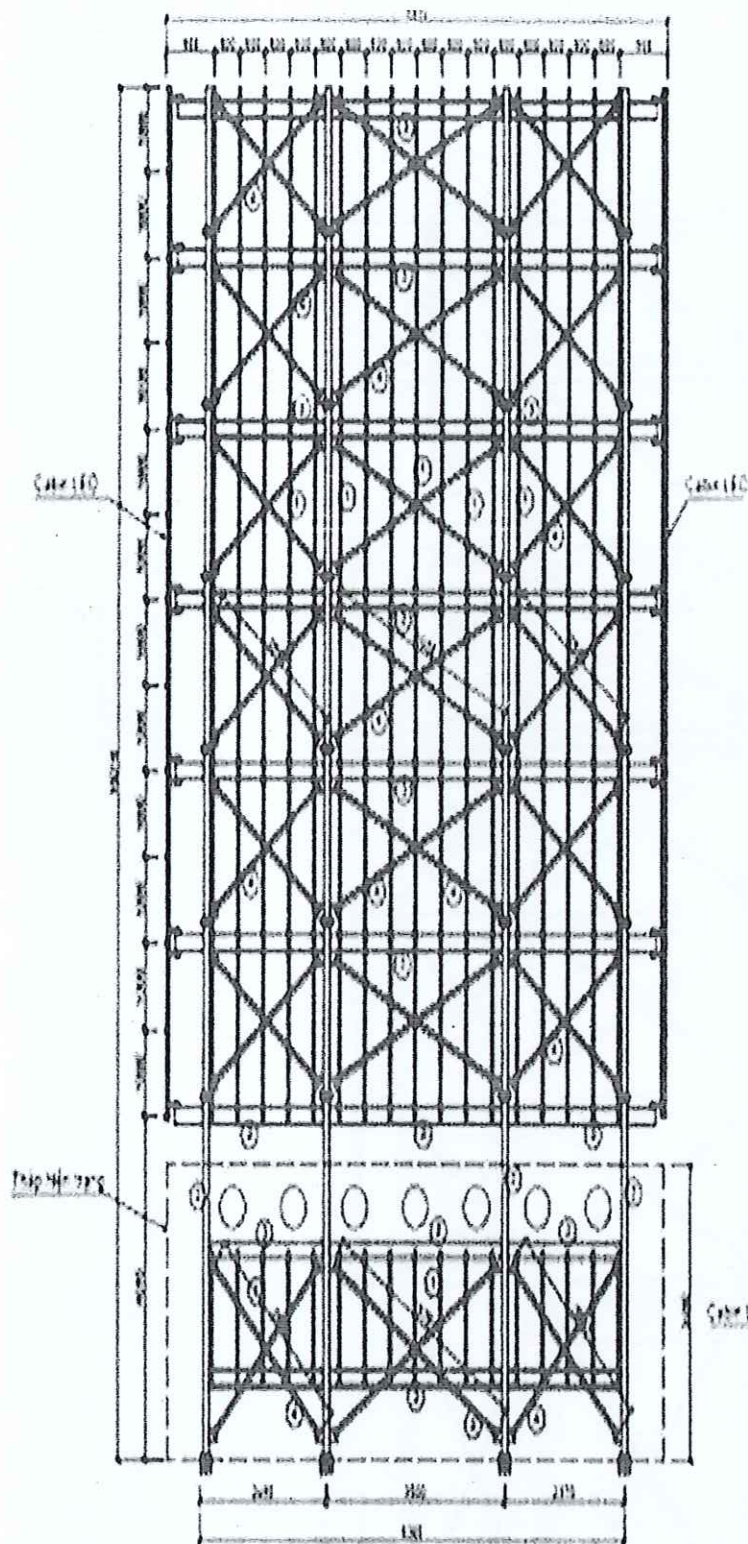
Mã vị trí	Loại hình	Kích thước (m)	Số mặt cái	Diện tích (m ²)
DDC09-1	Tháp LED	9 x 12	1	108
DDC09-1	Tháp LED	4 x 12	1	48
DDC09-1	Tháp LED	4 x 12	1	48
DDC09-1	Màn hình LED + FIDS	8 x 1,5	1	12
DDC09-2	Tháp LED	9 x 12	1	108
DDC09-2	Tháp LED	4 x 12	1	48
DDC09-2	Tháp LED	4 x 12	1	48
DDC09-2	Màn hình LED + FIDS	8 x 1,5	1	12
Tổng cộng				432

2. Hình ảnh demo:

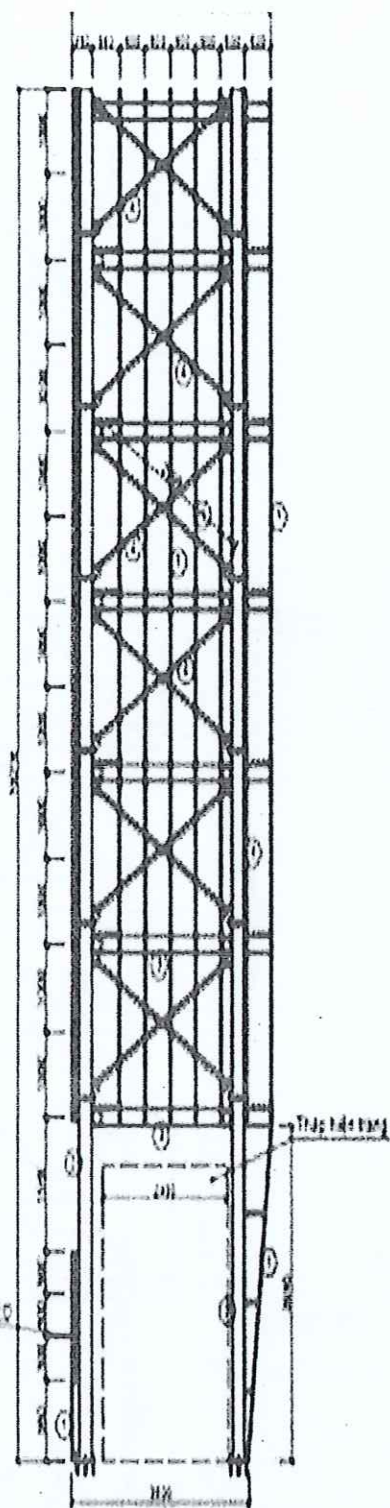


3. Hình ảnh thiết kế kỹ thuật:

4. Khung kết cấu sơ bộ:



TỔNG THỂ KHUNG MẶT TRƯỚC



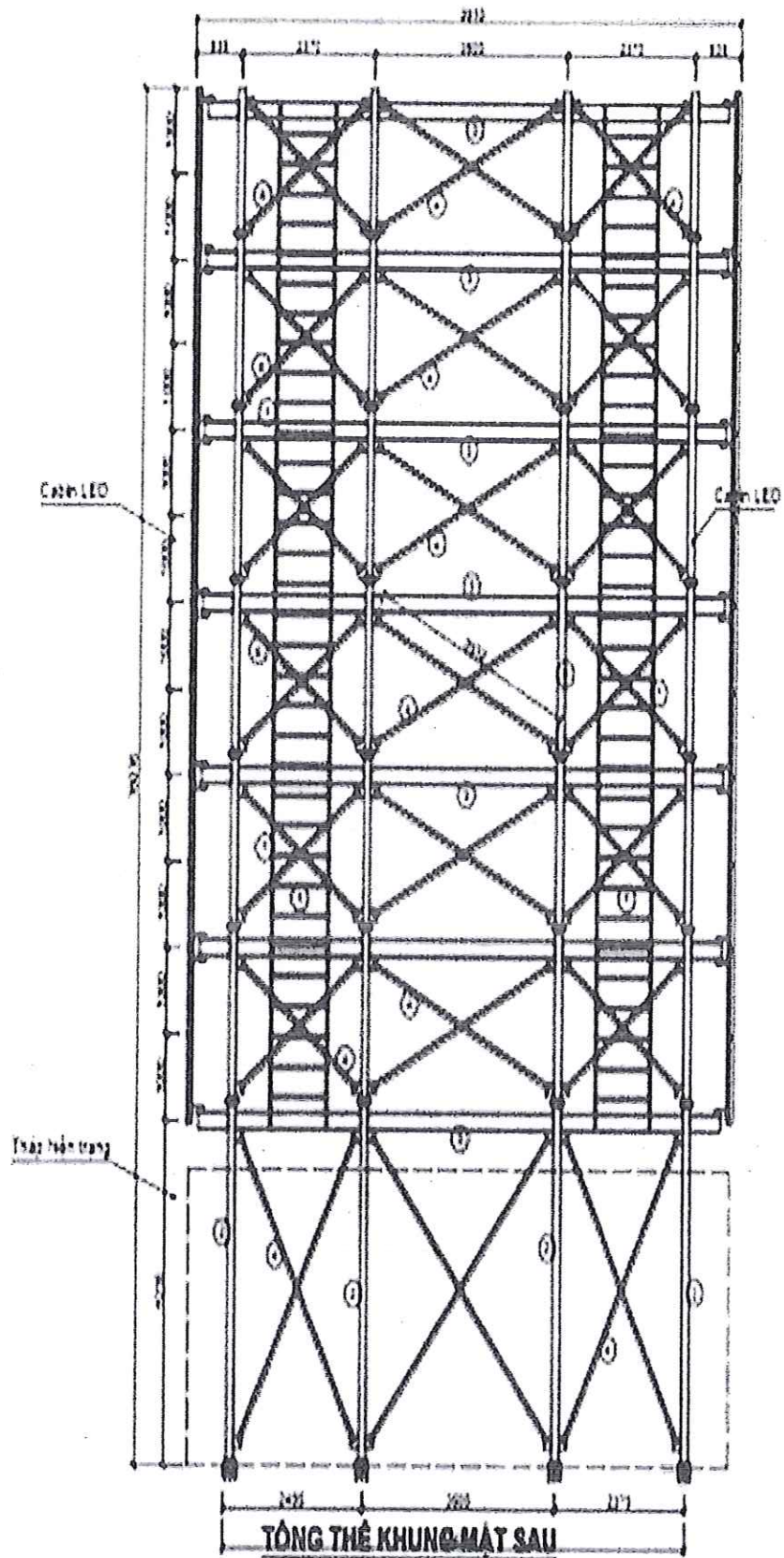
MẶT BÊN TỔNG THỂ KHUNG

CHỈ
 00000000
 00000000
 00000000
 0000

38524

CẢNG
 ÔNG QU
 SƠN NH
 1 TÔNG C
 ẦNG KH
 NAM-CT

5 HỒ C



B. BẢNG KÊ CHI TIẾT HÌNH ẢNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT PHÒNG THỰC TẾ ẢO (VR ROOM)

Khu vực cách ly tầng 3.

1. Loại hình:

Phòng trải nghiệm thực tế ảo tích hợp hệ thống màn hình LED cỡ lớn, cabin khép kín, phục vụ mục đích giải trí – quảng bá – tương tác với hành khách tại sân bay.

2. Thông số kỹ thuật:

- Loại màn hình: LED indoor P1.8- P2.5 - P3.9
- Số lượng màn hình: 05 màn hình (trần – sàn – hông trái – hông phải – mặt trước)

3. Thông số hiển thị:

- Độ sáng: ≥ 1000 nits (phù hợp điều kiện ánh sáng sảnh nhà ga ban ngày)
- Tần số quét: ≥ 7680 Hz (tốc độ làm tươi cao, hình ảnh mượt mà, không nhấp nháy)

4. Kết cấu khung:

- Khung chính:
- I200*100*5.5*82 (dầm chính)
- I150*75*5*74 (thanh đỡ ngang)
- V63*53 (văng chống)
- Khung sàn, cabin:
- Thép hộp 40x40x3.1 và 30x30x1.85 (đỡ mặt sàn)
- Hộp 20x40x3.5 (gân tăng cứng)

5. Công suất điện:

- Ước tính: 250–350 W/h/m² (tùy công suất tấm LED)

6. Độ dày màn hình:

- ~90–120 mm (tùy theo chủng loại module LED)

7. Độ dày khung:

- Trung bình 100–500mm (toàn bộ kết cấu sắt/thép hộp chịu lực)

8. Vật liệu:

- Khung: Thép hộp mạ kẽm, sơn tĩnh điện chống rỉ
- Vách cabin: Vật liệu composite hoặc thép tấm kết hợp kính cường lực
- Màn hình LED: Module SMD/indoor P1.8 - P2.5 hoặc P3.91 chất lượng cao

9. Trang trí:

- Cabin thiết kế đóng, cách âm tương đối, phủ ánh sáng đèn LED bao quanh.

10. Kích thước:

- Phòng VR màn hình 5 mặt kích thước (w)3.5m x (h) 3.5m

11. Hình ảnh demo:

